

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
Y TẾ DANAMECO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22./DNM

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 4 năm 2026

"V/v: Công bố Báo cáo thường niên
2025"

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO
 - Mã chứng khoán: DNM
 - Địa chỉ: Số 12 Trịnh Công Sơn, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
 - Điện thoại liên hệ: 0905618959
 - E-mail: info@danameco.com
- Nội dung thông tin công bố:
Báo cáo thường niên năm 2025
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/4/2026 tại đường dẫn: www.danameco.com, mục quan hệ cổ đông.
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

-Báo cáo thường niên năm
2025

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



2025

CHUNG TAY VÌ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

DANAMECO được thành lập từ năm 1976, là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong sản xuất và kinh doanh vật tư y tế; phân phối sản phẩm tại hầu hết các tỉnh thành trên toàn quốc và các bệnh viện tuyến trung ương



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

ĐỊA CHỈ:
NẮNG

12 TRỊNH CÔNG SƠN, PHƯỜNG HÒA CƯỜNG, THÀNH PHỐ ĐÀ

ĐIỆN THOẠI:

(+84) 0236 3690777

EMAIL:

info@danameco.com

WEBSITE:

www.danameco.com

MÃ SỐ THUẾ:

0400102101

MÃ CHỨNG KHOÁN:

DNM



NỘI DUNG	
I	THÔNG TIN CHUNG
1	Thông tin khái quát
2	Quá trình hình thành và phát triển
3	Nghành nghề và địa bàn kinh doanh
4	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5	Định hướng phát triển Tổng công ty
5.1	Các mục tiêu chính
5.2	Các chiến lược phát triển trung và dài hạn
6	Các rủi ro
II	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
1	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2	Tình hình tổ chức và nhân sự
2.1	Nhân sự chủ chốt
2.2	Thay đổi trong Ban điều hành
2.3	Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động
3	Tình hình đầu tư
4	Tình hình tài chính
5	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
5.1	Cổ phần
5.2	Cơ cấu Cổ đông
5.3.	Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu.
5.4.	Giao dịch cổ phiếu quỹ
5.5.	Các chứng khoán khác
6	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.
III.	Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc
1	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2	Tình hình tài chính
3	Kế hoạch phát triển năm 2026
4	Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến ngoại trừ của kiểm toán
5	Đánh giá của ban giám đốc đối với các chỉ tiêu môi trường
IV	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG TỔNG CÔNG TY
1	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty
2	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc
3	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2026
V	QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY
1	Hội đồng quản trị
1.1	Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị
1.2	Hoạt động Hội đồng quản trị
1.3	Thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty
2	Ban kiểm soát
2.1.	Thành viên và Cơ cấu Ban kiểm soát
2.2.	Hoạt động của Ban kiểm soát
2.3	Thành viên Ban kiểm soát có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty
3	Các giao dịch, thù lao, lương và các khoản lợi ích khác
4	Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ
5	Đánh giá về thực hiện các quy định về quản trị Công ty
VI	BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025
1	Ý kiến kiểm toán
2	Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu/Chữ cái	Thuật ngữ/Cụm từ đầy đủ
HĐQT	Hội Đồng Quản Trị
BKS	Ban Kiểm Soát
BGD	Ban Giám Đốc
BCTC	Báo cáo tài chính
TSCĐ	Tài sản cố định
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán nhà nước
HNX	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Tổng Công ty	Tổng Công ty Cổ phần Y tế Danameco

I. THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- ❖ Tên tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO**
- ❖ Tên tiếng Anh: **DANAMECO MEDICAL JOINT STOCK CORPORATION**
- ❖ Tên viết tắt: **DANAMECO**
- ❖ Logo: 
- ❖ Trụ sở chính: 12 Trịnh Công Sơn, P. Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng
- ❖ Điện thoại: (+84) 0236 3690777
- ❖ Email: info@danameco.com
- ❖ Website: www.danameco.com
- ❖ Vốn điều lệ: **52.530.700.000 VND**
- ❖ Mã cổ phiếu: **DNM**
- ❖ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **0400102101** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 07/06/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 2/10/2025

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân của Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO là Trạm Vật tư y tế Quảng Nam - Đà Nẵng, được Sở Y tế Quảng Nam - Đà Nẵng thành lập từ năm 1976, nhằm thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hàng viện trợ y tế để khắc phục hậu quả sau chiến tranh. Đến năm 1986, Trạm Vật tư y tế đổi tên thành Công ty Thiết bị vật tư y tế Quảng Nam - Đà Nẵng chuyên sản xuất các sản phẩm cơ khí như giường, tủ, bàn sinh, ... cung cấp cho các bệnh viện trong tỉnh.

Năm 1997, khi Tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng tách thành hai đơn vị hành chính thì Công ty chuyển về trực thuộc Bộ Y tế, là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam lấy tên là Công ty Thiết bị Y tế TW 3 Đà Nẵng theo Quyết định số 34/BYT-QĐ của Bộ trưởng Bộ y tế ngày 13/ 01/1997.

Năm 2004, thực hiện chủ trương Cổ phần hoá các Doanh nghiệp của Nhà nước, Công ty được đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO theo Quyết định số 3596/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ y tế ngày 12/10/2004 và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ tháng 7/2005.

Ngày 23/11/2010, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết cổ phiếu công ty. Ngày 03/8/2023, Công ty nhận được thông báo số 2579/TB-SGDHN ngày 21/7/2023, theo đó, ngày 07/8/2023, cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại UPcom.

Gần 50 năm xây dựng và trưởng thành, Danameco đã không ngừng phát triển về mọi mặt, sản xuất và cung cấp các sản phẩm có chất lượng cao đảm bảo các tiêu chuẩn trong và ngoài nước, là đối tác đáng tin cậy của khách hàng, góp phần phục vụ đắc lực cho sự nghiệp y tế nước nhà. Ghi nhận các nỗ lực này, trong các năm qua Danameco đã nhận được nhiều huân chương, bằng khen, cờ thi đua của các cấp từ Trung ương đến địa phương.

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- ❖ Sản xuất vật tư y tế, thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức

năng

Sản xuất và kinh doanh thiết bị vật tư y tế; Sản xuất khẩu trang, bông băng gạc y tế, các sản phẩm dùng một lần trong phẫu thuật, gói đỡ đẻ sạch và sản xuất các sản phẩm phục vụ cấp cứu chấn thương, thiên tai, dịch họa;

❖ **Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác**

Xuất nhập khẩu vật tư nguyên liệu, dụng cụ, thiết bị y tế; Kinh doanh hóa chất xét nghiệm, hóa chất chống dịch, dụng cụ, thiết bị khoa học kỹ thuật, xe cứu thương và các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân;

❖ **Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu**

Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), thuốc tẩy trùng, thiết bị tẩy trùng và xử lý môi trường;

❖ **Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung khác**

Đảm nhận công tác hậu cần cho các chương trình tiếp nhận và phân phối hàng viện trợ khu vực Miền Trung và Tây Nguyên;

❖ **Sửa chữa thiết bị khác**

Dịch vụ tư vấn sửa chữa, bảo trì thiết bị, dụng cụ y tế;

3.2. Địa bàn kinh doanh: Trong nước.

4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

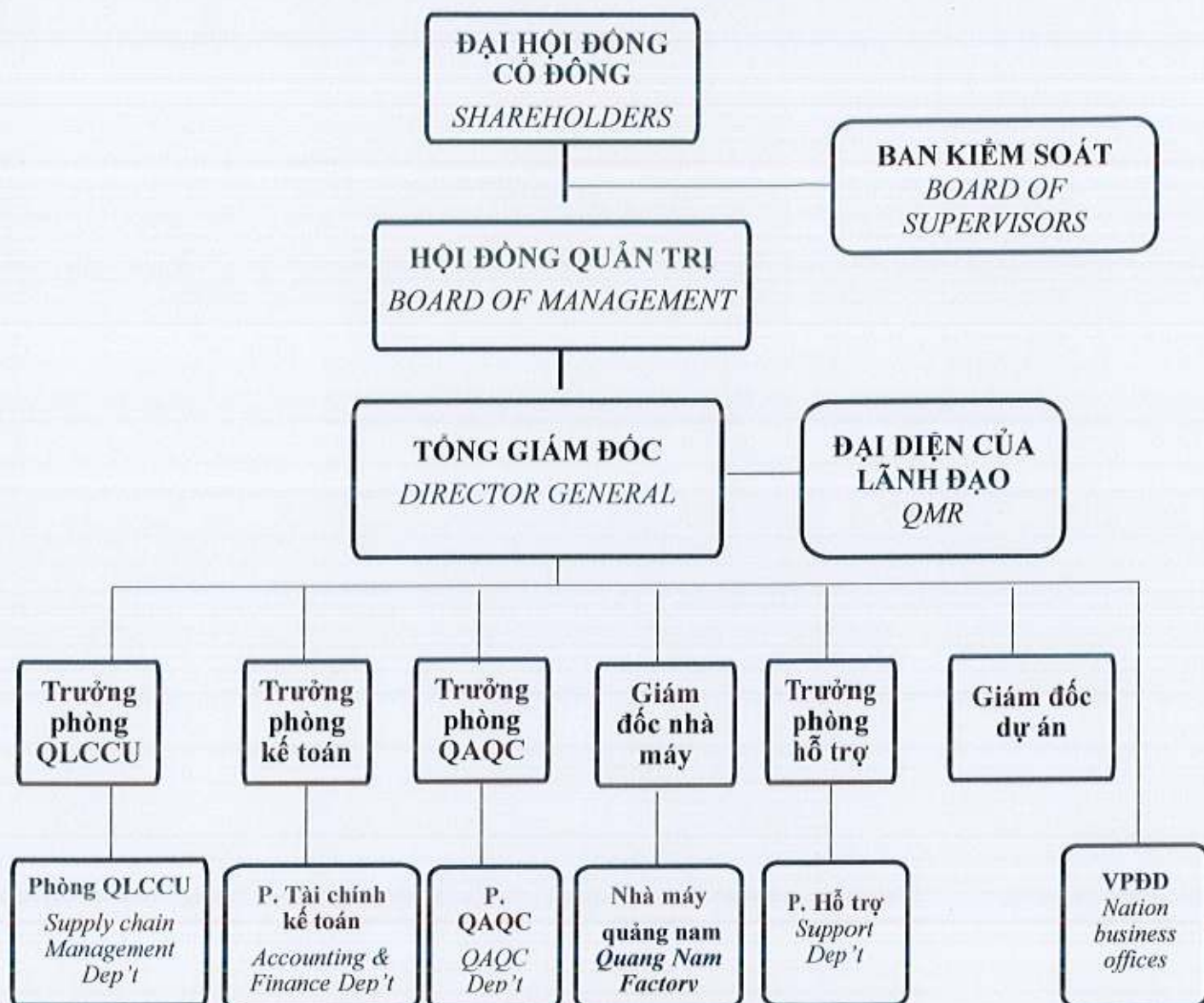
Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và phối hợp cùng Ban điều hành Tổng Công ty có những chiến lược, giải pháp phù hợp trong hoạt động sản xuất - kinh doanh, luôn bám theo mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông năm 2025, đảm bảo cho công tác điều hành và quản lý công ty hiệu quả.

Tổng Công ty không có công ty con, công ty liên kết. Tổng Công ty được tổ chức quản lý theo mô hình quản lý trực tuyến và chức năng. Đây là cách tiếp cận theo hàng dọc, chuyên môn hóa dựa trên chức năng của các đơn vị, các phòng ban trực thuộc. Tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực và nhân lực.

Bên cạnh đó, việc tối ưu hóa các vị trí chủ chốt giúp công ty nâng cao hiệu quả kiểm soát các hoạt động, hỗ trợ kịp thời và đồng thời giảm chi phí, tập trung đẩy mạnh doanh thu. Kế hoạch năm 2026, Tổng công ty vẫn tiếp tục cải thiện và nâng cấp bộ máy tổ chức để phù hợp hơn với tình hình hoạt động và kế hoạch phát triển sắp tới.

02
ÔNG
HỮU
TẾ
M
Ồ Đ

Cơ cấu bộ máy quản lý năm 2025:



5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TỔNG CÔNG TY.

Các mục tiêu chính

- ❖ Tôn chỉ hoạt động của Danameco là mang đến những lợi ích cao nhất cho khách hàng, đảm bảo công ăn việc làm ổn định và thu nhập tốt nhất cho người lao động, quyền lợi tối đa cho cổ đông và đảm bảo an sinh xã hội.
- ❖ Phấn đấu là Doanh nghiệp tiên phong, Doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành sản xuất và kinh doanh Trang thiết bị y tế tại Việt Nam.
- ❖ Bảo toàn vốn, tối đa hóa lợi nhuận, phát triển bền vững, đóng góp vào sự phát triển bền vững của toàn xã hội. Chung tay vì sức khỏe cộng đồng.

Các chiến lược phát triển trung và dài hạn

2.1. Chiến lược sản phẩm

- ❖ Mở rộng thị trường cho các sản phẩm vật tư tiêu hao, đặc biệt là mặt hàng Khẩu trang y tế dùng một lần, trang phục bảo hộ, trang phục phẫu thuật, các bộ sản phẩm dùng trong phẫu thuật.

- ❖ Tăng cường quảng bá thương hiệu, tổ chức giới thiệu sản phẩm tại các khu vực mà Danameco đang có chiến lược chiếm lĩnh, đẩy mạnh sản phẩm ra thị trường EU, Mỹ, Nhật.
- ❖ Đẩy mạnh việc xuất khẩu các mặt hàng Danameco sản xuất sang các thị trường nước ngoài nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.
- ❖ Chú trọng công tác nghiên cứu, sáng tạo, cải tiến trong sản xuất, nghiên cứu triển khai và phát triển sản phẩm mới.

2.2. Chiến lược Marketing

- ❖ Duy trì mối quan hệ uy tín và bền vững với các nhà cung cấp trang thiết bị y tế lớn, tăng cường công tác dự báo thị trường để đảm bảo có thể chủ động nguồn nguyên liệu và hàng hóa với giá cả ổn định, giảm thiểu những tác động khi có biến động thị trường.
- ❖ Phát triển mở rộng các thị trường ngách và thị trường xuất khẩu, đặc biệt các nước phát triển, có chuẩn mực và sự đầu tư cao cho mảng y tế như Hàn, Quốc, Nhật, Mỹ, EU.
- ❖ Ra sức cải thiện chất lượng dịch vụ của các kênh phân phối truyền thống. Mở rộng và phát triển đa dạng hóa các các kênh phân phối khác để phủ kín thị trường tiêu thụ sản phẩm do Danameco sản xuất.
- ❖ Tiếp cận trực tiếp đến các nhóm khách hàng mục tiêu, tối đa hóa lợi ích hai bên.
- ❖ Xây dựng Danameco trở thành thương hiệu nổi tiếng và thân thiện trong khu vực. Đưa Danameco trở thành một trong những nhà sản xuất Băng băng gạc, Khẩu trang y tế, Cấp cứu chấn thương, Phòng chống dịch bệnh,...nhà cung cấp Trang thiết bị y tế uy tín hàng đầu tại Việt Nam.

2.3. Chiến lược tài chính

- ❖ Cấu trúc cơ cấu nguồn vốn phù hợp tình hình sản xuất kinh doanh.
- ❖ Kiểm soát chặt chẽ tồn kho, quản lý nghiêm ngặt công nợ phải thu, công nợ phải trả để sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.
- ❖ Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, mở rộng sản xuất, giảm đòn cân nợ, các rủi ro thanh toán và tăng lợi nhuận.
- ❖ Đảm bảo cơ cấu tài chính phù hợp với thực tế, tăng cường khả năng tự chủ về tài chính của Danameco, hạn chế tối đa rủi ro trong việc sử dụng vốn vay trong điều kiện lãi suất tăng đột ngột.

2.4. Chiến lược nguồn nhân lực

- ❖ Xây dựng Cán bộ nguồn để đáp ứng cho định hướng phát triển của Tổng Công ty trong tương lai.
- ❖ Đào tạo thường xuyên nhằm bổ sung và nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ.
- ❖ Hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa ứng xử, đạo đức nghề nghiệp cho nguồn nhân lực hiện có.
- ❖ Xây dựng và thực thi các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm sẵn sàng đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo xu hướng hội nhập và lợi thế ngành.
- ❖ Với nhiều chính sách đãi ngộ, cải thiện môi trường, điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động. Giữ vững nguồn lực lao động để ổn định và phát triển sản xuất bền

vững.

2.5. Công tác tổ chức - quản lý.

- ❖ Tuân thủ chặt chẽ các quy định của Pháp luật.
- ❖ Hoàn thiện và nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân sự.
- ❖ Xây dựng cơ chế lương, thưởng hợp lý. Động viên, khuyến khích CBCNV gắn bó lâu dài, tự giác và chuyên nghiệp trong công việc, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Danameco.
- ❖ Áp dụng và duy trì hiệu quả các Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 11135:2014. Nâng tầm thương hiệu, giữ vững uy tín với khách hàng.

2.6. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- ❖ Với sứ mệnh “*Vì mục tiêu sức khỏe cộng đồng và không ngừng phát triển*”, đây là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Danameco.
- ❖ Cung cấp sản phẩm Trang thiết bị y tế, phục vụ công tác khám chữa bệnh toàn dân.
- ❖ Tham gia đóng góp đầy đủ các nghĩa vụ đối với xã hội: đóng góp quỹ mái ấm tình thương, quỹ người nghèo, quỹ phòng chống thiên tai...

6. CÁC RỦI RO

- ❖ Kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn đối mặt với những khó khăn và bất ổn.
- ❖ Với chính sách mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài cùng với sự phát triển mạnh về nhu cầu Trang thiết bị y tế đã tạo ra sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các Công ty chuyên ngành cung cấp trang thiết bị y tế nói chung và Danameco nói riêng.
- ❖ Ngành trang thiết bị y tế chịu sức ép của tốc độ phát triển công nghệ nhanh chóng. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp, trong đó có Danameco không ngừng có sự cải tiến sáng tạo trong công nghệ sản xuất để đáp ứng được các yêu cầu của thị trường hiện tại, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Đây là một thách thức lớn đối với Công ty vì muốn bắt kịp với tốc độ phát triển cần phải có chi phí rất lớn cho cả trang thiết bị, kỹ thuật, cơ sở hạ tầng, nhân sự lẫn chi phí đào tạo.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Dvt: đồng

ST T	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2025	% so KH 25	% so với năm 24
1	Doanh thu	197.275.418.780	258.396.429.920	271.700.000.000	95%	131%
2	Lợi nhuận trước thuế	-262.388.921	10.088.567.700	6.890.000.000	146%	103%

Nhận xét:

- Tổng doanh thu trong năm 2025 là 258,396 tỷ đồng, hoàn thành 95 % chỉ tiêu kế hoạch điều chỉnh đề ra, đạt 131% so với năm 2024.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2025 là 10,088 triệu đồng, đạt 146% so với kế hoạch, tăng 103% so với năm 2024.

Nguyên nhân:

- Năm 2025, công ty đã có sự cải thiện trong việc nâng cao hiệu quả từ lợi nhuận gộp bằng cách tập trung sản xuất các mặt hàng có lợi nhuận cao, cắt giảm các mặt hàng không hiệu quả.
- Bên cạnh đó đẩy mạnh các chính sách nhằm tiết kiệm các chi phí vận hành trong năm 2025 chi phí bán hàng, chi phí tài chính, rõ rệt nhất là quản lý doanh nghiệp. Việc tinh gọn bộ máy đã được triển khai từ những năm trước với quy mô trên toàn tổng công ty đã giúp công ty giảm được rất lớn chi phí lương, các chi phí phụ cấp đi kèm trong năm 2025.
- Việc trúng gói thầu thiết bị với giá trị hơn 60 tỉ đã góp phần không nhỏ vào lợi nhuận năm 2025.
- Mặc dù Ban lãnh đạo đưa ra những giải pháp để phát triển doanh thu nhưng sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty chưa đạt như kỳ vọng.

2. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Nhân sự chủ chốt:

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Số cổ phần sở hữu
1	Ông Võ Anh Đức	Chủ tịch HĐQT	09/05/1980	Cử nhân tài chính ngân hàng	Bổ nhiệm ngày 16/01/2021		1.177.599
2	Bà Nguyễn Đình Phương Nam	Tổng giám đốc	05/09/1983	Thạc sĩ kế toán	Bổ nhiệm ngày 03/08/2023		54
3	Bà Huỳnh Thu Thảo	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	01/01/1993	Cử nhân Kế toán – Kiểm toán	Bổ nhiệm 13/12/2022.		0

Thay đổi trong Ban điều hành

Năm 2025 nhân sự Ban điều hành không có sự thay đổi.

Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Tổng số lao động của Tổng Công ty Cp Y tế Danameco tính đến thời điểm 31/12/2024 là 376 Cán bộ công nhân viên. Cụ thể như sau:

Nội dung	Giới tính		Tính chất công việc		Trình độ học vấn		
	Nam	Nữ	Trực tiếp	Gián tiếp	Đại học, trên đại học	Cao đẳng, Trung cấp	Khác
Số lượng (người)	66	310	296	80	35	46	295

❖ **Chính sách đối với người lao động:**

- Con người là yếu tố quyết định ảnh hưởng lớn đến sự phát triển Doanh nghiệp. Chính vì vậy, Tổng Công ty thực hiện tốt các chính sách đảm bảo quyền lợi chính đáng của Người lao động theo luật định, thực hiện ký hợp đồng lao động, tham gia đóng BHXH và thực hiện chính sách đãi ngộ như: trợ cấp tay nghề, thưởng năng suất, thưởng chuyên cần, hỗ trợ tiền ăn ca, thăm hỏi ốm đau, cưới xin, tang điều.

- Tổ chức đào tạo cho công nhân đảm bảo 100% công nhân được đào tạo sản xuất theo quy trình dây chuyền công nghệ, quản lý sản xuất theo yêu cầu Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 11135:2014, thực hiện phong cách văn hoá doanh nghiệp “DANAMECO vì sức khoẻ cộng đồng”.

- Công tác bảo hộ lao động được Tổng Công ty đặc biệt chú trọng, trang bị đủ các phương tiện bảo hộ an toàn vệ sinh lao động và trang bị đủ bình chữa cháy, hệ thống nước chữa cháy vách tường, hệ thống báo cháy tự động, và các phương tiện Phòng cháy chữa cháy khác, tổ chức huấn luyện thường xuyên hằng năm cho CBCNV về công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ.

- Xây dựng hệ thống nội quy, quy chế dân chủ cơ sở, thoả ước lao động tập thể, quy ước văn hoá công sở, các quy chế nội bộ khác chặt chẽ, đồng bộ nhằm cụ thể hoá các quy định về quản lý, chuyên môn nghiệp vụ và các chính sách đãi ngộ cho người lao động, tạo hành lang pháp lý trong các hoạt động, công khai hoá các quy định của Tổng Công ty trên các lĩnh vực. Tổng Công ty cam kết thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong nội bộ doanh nghiệp, nhằm công khai, minh bạch và dân chủ, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm công tác, phát huy vai trò trách nhiệm và tinh thần hăng say thi đua lao động nhiệt tình của CBCNV.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC TẾ 2025:

Năm 2025, Tổng Công ty có đầu tư một máy băng thun, trị giá 337 triệu đồng và một máy gấp gạc phẫu thuật trị giá 446 triệu đồng nhằm tăng năng lực sản xuất, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Tính đến 31/12/2025: Tổng Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

a) Tình hình tài chính.

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm/%
Tổng giá trị tài sản	294.004.472.568	242.177.257.284	Giảm 18%
Doanh thu thuần	196.824.649.381	257.699.368.210	Tăng 31%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.736.812.490	15.562.464.905	Tăng 13%
Lợi nhuận khác	-13.999.201.411	-5.473.897.205	Tăng 156%
Lợi nhuận trước thuế	-262.388.921	10.088.567.700	Tăng 103%
Lợi nhuận sau thuế	-262.388.921	10.088.567.700	Tăng 103%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,88	0,882
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,59	0,48
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	98%	94%
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	6565%	1570%
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,1%	4%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-6%	70%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,1%	4%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	7%	10%

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1. Cổ phần

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Tổng Công ty cổ phần Y tế Danameco
- Mã chứng khoán : DNM
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần : 5.253.070 cổ phiếu (bằng chữ: Năm triệu hai trăm năm mươi ba nghìn không trăm bảy mươi cổ phiếu)
- Vốn điều lệ thực : 52.530.700.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi hai tỷ năm trăm ba mươi triệu bảy trăm nghìn đồng)

5.2. Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách tại thời điểm 26/03/2025

TT	Tên cá nhân/Tổ chức	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)
1	Võ Anh Đức	1.177.599	22,42%
2	Nguyễn Thị Hồng Vân	844.200	16,07%
3	Dịp Văn Minh	1.271.120	24,20%
4	Khác	1.960.151	37,31%

Ghi chú: Cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Số cổ phiếu sở hữu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ
1	Cổ đông trong nước				
	- Cá nhân	269	5.069.431	50.694.310.000	96,50%
	- Tổ chức	1	12	120.000	0,0002%

2	Cổ đông ngoài nước			0	
	- Cá nhân	12	13.947	139.470.000	0,266%
	- Tổ chức	2	169.680	1.696.800.000	3,23%
	Tổng cộng:	284	5.253.070	52.530.700.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo CV của UBCKNN cấp cho DNM là 50% theo công văn số 297/UBCK-PTTT ngày 20/5/2022.

5.3. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:

Trước ngày 08/7/2022, vốn chủ sở hữu là 43.776.050.000(đồng); Từ ngày 08/7/2023 đến nay, vốn chủ sở hữu là 52.530.700.000(đồng).

Trong năm 2025, Công ty không thực hiện các đợt tăng/giảm vốn điều lệ.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Nguyên liệu chính để sản xuất là gạch hút nước, bông hút nước và gạch không dệt không hút nước; Nguyên liệu đóng gói là Túi ép tiệt trùng, bao ni lông và thùng Carton.

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: 0%

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Năng lượng điện

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Tiết kiệm điện và nước hiệu quả trong việc tiết kiệm điện nước khi ra khỏi phòng, khóa nước, tắt nước khi không dùng.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Sử dụng nguồn nước thủy cục.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Mức lao động hiện tại tại Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2025 là 376 người và Mức lương trung bình đảm bảo trên mức lương tối thiểu vùng từ 10% đến 60%.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Con người là yếu tố quyết định ảnh hưởng lớn đến sự phát triển Doanh nghiệp. Chính vì vậy, Tổng Công ty thực hiện tốt các chính sách đảm bảo quyền lợi chính đáng của Người lao động, thực hiện ký hợp đồng lao động, tham gia đóng BHXH, vận dụng các chính sách đãi ngộ như: thăm hỏi ốm đau, cưới xin, tang điều...

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên. Hằng năm nhân viên được đào tạo tối thiểu 24 tiếng trong một năm. Tùy theo từng cấp bậc và vị trí công việc sẽ có các chương trình đào tạo chuyên môn phù hợp.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Tổng Công ty đảm bảo cho toàn bộ nhân viên được tham gia các chương trình đào tạo phù hợp từ nội bộ, các chương trình đào tạo do Cơ quan nhà nước chủ trì và thuê chuyên gia từ nước ngoài để đào tạo các kỹ năng quản lý đội nhóm, kỹ năng làm việc chuyên môn, cập nhật các quy trình quy định mới.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Tổng Công ty tích cực tham gia các hoạt động phong trào tại địa phương doanh nghiệp đặt trụ sở.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Dvt: đồng

ST T	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2025	% so KH 25	% so với năm 24
1	Doanh thu	197.275.418.780	258.396.429.920	271.700.000.000	95%	131%
2	Lợi nhuận trước thuế	-262.388.921	10.088.567.700	6.890.000.000	146%	103%

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản

Tài sản cố định của Tổng Công ty bao gồm: máy móc thiết bị như máy cuộn gạch, máy chải bông, máy sản xuất khẩu trang, máy gấp gạch, máy tiết trùng, máy sấy, máy nén khí, máy dệt kim, máy cắt cán, máy cắt cuộn, máy in phun, ...; nhà xưởng, văn phòng; quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Tình hình tài sản cố định của Tổng Công ty tại 31/12/2025:

Đvt: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1. TSCĐ hữu hình	161.028.659.624	-1 18.130.720.040	42.897.939.584
2. TSCĐ vô hình	19.499.985.221	-1.179.431.406	18.320.553.815
3. TSCĐ thuê tài chính	0	0	0

2.2. Tình hình Nợ phải trả

Đvt: đồng

Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	Ghi chú
I. Nợ ngắn hạn	226.047.419.021	181.713.209.138	
1. Vay ngắn hạn	124.367.384.410	114.134.790.526	
2. Phải trả cho người bán ngắn hạn	68.659.207.909	53.594.740.299	
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.348.674.171	883.905.804	
4. Thuế và các khoản phải nộp NN	475.034.010	0	
5. Phải trả người lao động	2.599.298.147	5.492.350.094	
6. Chi phí phải trả	6.703.069.669	4.205.676.336	
7. Doanh thu chưa thực hiện	61.666.663	179.946.237	
8. Phải trả ngắn hạn khác	1.797.357.966	2.067.143.966	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.035.726.076	1.154.655.876	
II. Nợ dài hạn	63.545.587.759	45.964.014.670	
1. Vay và nợ dài hạn	63.418.271.444	41.991.892.876	
2. Phải trả dài hạn khác	60.000.000	60.000.000	
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	67.316.315	67.316.315	

2.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- ❖ Thay đổi cơ cấu tổ chức theo định hướng chuyên nghiệp để phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp với thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.
- ❖ Rà soát, định biên lại lực lượng lao động hợp lý. Quan tâm, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn về trang thiết bị y tế đối với CBCNV kinh doanh.
- ❖ Điều chỉnh chiến lược giá bán phù hợp từng thời điểm, từng địa bàn nhằm mở rộng và tăng thị phần.
- ❖ Tổng Công ty không ngừng cải tiến máy móc, cải thiện hệ thống chất lượng.
- ❖ Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thực hiện các nội quy, quy chế phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và mô hình quản lý của Tổng Công ty.

3. Kế hoạch phát triển năm 2026

3.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2026

STT	Chỉ tiêu dự kiến	ĐVT	Mục tiêu năm 2026
1	Doanh thu	Đồng	315.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	15.700.000.000
3	Thuế TNDN 20%	Đồng	0
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	15.700.000.000

3.2. Kế hoạch đầu tư 2026

Năm 2026, nhằm tăng năng lực sản xuất, mở rộng thị phần, Tổng công ty có kế hoạch đầu tư một số máy móc phục vụ sản xuất như máy may gấp gạc ở bụng.

3.3. Kế hoạch phát triển con người:

- Ban lãnh đạo tiếp tục duy trì các khóa đào tạo điều kiện cho nhân sự phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý của đội ngũ quản lý và nhân viên cấp trung của công ty
- Duy trì gói ngân sách khám sức khỏe Bệnh nghề nghiệp, định kỳ theo năm cho người lao động để khuyến khích sự gắn bó với doanh nghiệp.
- Đầu tư ngân sách chiều mộ nhân sự có chất lượng, có nhiệt huyết và hướng đến mục tiêu để công ty phát triển.

4. Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến ngoại trừ của kiểm toán:

BCTC năm 2025 của Tổng Công ty CP Y tế Danameco do Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc Tế kiểm toán, phát hành ngày 30/03/2026 không đưa ra ý kiến ngoại trừ.

Giải trình về ý kiến kiểm toán về vấn đề nhấn mạnh trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 số 0611/2025/BCTC/IAV được phát hành bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc ngày 30/03/2026 như sau:

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.2 - Giả định hoạt động liên tục tại Bản thuyết minh Báo cáo tài chính: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nợ ngắn hạn của Công ty vượt tài sản ngắn hạn 4.176.315.062 đồng, lũy kế ở mức 107.675.348.524 đồng. Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty có sự cải thiện và đạt mức lợi nhuận 10.088.567.688 đồng. Ban Tổng Giám đốc công ty tin tưởng tình hình kinh doanh của công ty sẽ tiếp tục được cải thiện và khả năng hoạt động liên tục của Công ty sẽ được đảm bảo trong ít nhất 12 tháng tiếp theo.

Giải trình của Ban giám đốc: Hiện tại tổng công đang nỗ lực cải thiện tình hình kinh doanh nhằm tăng khả năng thanh toán nhanh, bằng việc doanh thu và lợi nhuận năm 2025 tăng hơn so với 2024 lần lượt là 31% và 103%.

5. Đánh giá của ban giám đốc đối với các chỉ tiêu môi trường:

Tổng công ty đã thực hiện tốt các công tác liên quan đến môi trường.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

- ❖ Tổng công ty đã thực hiện tốt việc thực hiện các chính sách cho người lao động: Cam kết không sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức; Đảm bảo sức khỏe an toàn lao động

cho người lao động; Đảm bảo chế độ, phúc lợi cho người lao động; Sản xuất không quên bảo vệ môi trường xung quanh;

- ❖ Cùng với sự quyết tâm và đồng thuận cao của đội ngũ lao động có tay nghề, gắn bó với Tổng Công ty; đã từng bước nâng cao vị thế, uy tín, hình ảnh Danameco đối với khách hàng và nhà đầu tư.
- ❖ Tài chính Danameco đang dần được kiểm soát tốt, song song với những chiến lược phát triển cụ thể và toàn diện, tạo điều kiện Tổng Công ty có được định hướng phát triển lâu dài và bền vững.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

- ❖ Ban điều hành Tổng Công ty và các cán bộ quản lý khác đã tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính và các quy định hiện hành của Nhà nước.
- ❖ Triển khai thực hiện theo đúng tinh thần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.
- ❖ Phối hợp tốt với HĐQT, Ban kiểm soát và các Đoàn thể để triển khai các vấn đề một cách kịp thời, nhất quán. Phát hiện và khắc phục các điểm yếu, tạo đà cho việc phát triển bền vững, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Tổng Công ty, Nhà nước, của các Cổ đông và đối tác cũng như quyền lợi của người lao động.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

- ❖ Ổn định tài chính
- ❖ Tiếp tục chuẩn hóa quy trình sản xuất, duy trì dây chuyền sản xuất theo các quy chuẩn quốc tế; Đa dạng hóa nguồn cung ứng nội địa;
- ❖ Nghiên cứu cơ hội tăng năng lực sản xuất, đáp ứng đủ các đơn hàng Quốc tế lẫn nội địa và tạo thêm cơ hội việc làm cho địa phương;
- ❖ Ưu tiên phát triển công nghệ sản xuất, công nghệ làm việc trực tuyến để tạo lợi thế cạnh tranh;
- ❖ Triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các dự án đầu tư đúng tiến độ, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;
- ❖ Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện đúng các Quy chế, Quy định của Công ty.

V. QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

1.1. Thành viên và cơ cấu HĐQT

T T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT		Số cổ phần	Tỷ lệ
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm		
1.	Ông/Mr. Võ Anh Đức	Chủ tịch HĐQT	(Bổ nhiệm chủ tịch HĐQT ngày 07/07/2022)		1.177.599	22,4%

2.	Bà/Ms. Huỳnh Thị Li Li	Thành viên HĐQT độc lập	25/6/2022	24/4/2025	0	0%
3.	Bà/Ms. Nguyễn Đình Phương Nam	Thành viên HĐQT	28/5/2024		54	0,001%
4.	Ông/Mr. Nguyễn Duy Thành	Thành viên HĐQT độc lập	24/4/2025		0	0%

1.2. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- Không có tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
- Giúp việc cho Hội đồng quản trị và hỗ trợ cho các cổ đông là Thư ký HĐQT kiêm Người được ủy quyền công bố thông tin: Bà Lê Thị Hồng Tịnh.
- Phụ trách quản trị công ty: Bà Lê Thị Hồng Tịnh

1.3. Hoạt động HĐQT:

- ❖ Ngày 24/04/2025: Tổng công ty Cổ phần Y tế Danameco tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2025.
- ❖ Trong năm 2025, HĐQT đã triệu tập 06 cuộc họp HĐQT tập trung với sự tham của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát. Chi tiết như sau:

St t N o.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution /Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
1	Số: 03/NQ-HĐQT-DNM	16/01/2025	Thông qua về việc sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi nhằm mục đích động viên khuyến khích tinh thần làm việc của cán bộ nhân viên trong một năm 2024 với số tiền dự kiến là 3,3 tỉ đồng	100%
2	Số: 10/NQ-HĐQT-DNM	04/03/2025	Thông qua việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Ngày đăng ký cuối cùng: ngày 26/03/2025.	100%
3	Số: 30/NQ-HĐQT-DNM	02/4/2025	- Thông qua thông qua thời gian, địa điểm, chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. - Thông qua các tài liệu kèm theo Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông	100%
4	Số: 66/NQ-HĐQT-DNM	24/04/2025	- Thống nhất bầu Chủ tịch và thành viên HĐQT như sau: Chủ tịch HĐQT: + Ông Võ Anh Đức	100%

			Thành viên HĐQT: + Bà Nguyễn Đình Phương Nam + Ông Nguyễn Duy Thành -HĐQT thống nhất giao cho Ban Giám đốc triển khai các nội dung liên quan đã được ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua như sau: - Tiếp tục triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, thường xuyên chỉ đạo các phòng ban/đơn vị thực hiện đúng kế hoạch để đạt được các chỉ tiêu đã đề ra. Tham mưu đề xuất HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.													
5	Số: 78/NQ-HĐQT-DNM	29/09/2025	Thống nhất thông qua thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ như sau: <table><tr><th>STT</th><th>Tên TSCĐ</th><th>Số lượng</th><th>Số tiền thanh lý</th></tr><tr><td>1</td><td>Máy làm khẩu trang tự động cho vải không dệt</td><td>17 máy</td><td>187.000.000</td></tr><tr><td>2</td><td>Dây chuyền sản xuất khẩu trang y tế tự động 1 thân – 2 quai</td><td>15 dây chuyền</td><td>165.000.000</td></tr></table>	STT	Tên TSCĐ	Số lượng	Số tiền thanh lý	1	Máy làm khẩu trang tự động cho vải không dệt	17 máy	187.000.000	2	Dây chuyền sản xuất khẩu trang y tế tự động 1 thân – 2 quai	15 dây chuyền	165.000.000	100%
STT	Tên TSCĐ	Số lượng	Số tiền thanh lý													
1	Máy làm khẩu trang tự động cho vải không dệt	17 máy	187.000.000													
2	Dây chuyền sản xuất khẩu trang y tế tự động 1 thân – 2 quai	15 dây chuyền	165.000.000													
6	Số:107 /NQ-HĐQT-DNM	06/11/2025	Thống nhất thông qua việc lựa chọn và ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc Tế là đơn vị kiểm toán BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Tổng Công ty Cổ phần Y tế Danameco.	100%												

- ❖ Bên cạnh các quyết định thuộc thẩm quyền liên quan đến kế hoạch, phương hướng triển khai thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD), đơn giá tiền lương cho các đơn vị; HĐQT đã xem xét, thống nhất, quyết định một số nội dung quan trọng để hoàn thành mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025.
- ❖ Ngoài việc theo dõi kết quả các báo cáo bằng thư điện tử, điện thoại của Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành về các hoạt động SXKD; hằng tháng, Chủ tịch HĐQT chủ trì các cuộc họp liên tịch giữa HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát để rút kinh nghiệm và xử lý các vướng mắc trong công việc.

1.4. Thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Trong năm 2025, thành viên HĐQT và ban lãnh đạo công ty không tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty. Dự kiến năm 2026 khi tình hình công ty ổn định, HĐQT và ban lãnh đạo công ty sẽ tích

cực tham dự các khóa đào tạo phù hợp.

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

TT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ban kiểm soát		Số cổ phần	Tỷ lệ
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm		
1.	Ông/Mr. Trương Văn Bảy	Trưởng BKS	Ngày bổ nhiệm TBKS: 04/6/2024	24/4/2025	0	0%
2.	Ông/Mr. Nguyễn Hữu Ánh	Thành viên BKS	10/06/2021		0	0%
3.	Bà/Ms. Lê Thị Hồng Tịnh	Thành viên BKS	28/5/2024		0	0%
4.	Bà/Ms. Huỳnh Thị Thọ	Trưởng BKS	Thành viên BKS: 24/4/2025; Bổ nhiệm Trưởng BKS: 28/4/2025		0	0%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban Kiểm Soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công Ty, Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2025 trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh và sản xuất của Tổng Công Ty năm 2025.
- Sau đại hội, Ban Kiểm Soát đã tổ chức họp và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban Kiểm soát.
- Ban Kiểm Soát đã thực hiện việc mời thầu các đơn vị kiểm toán và đã đề xuất HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.
- Phối hợp làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập để tìm hiểu và làm rõ các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.
- Kiểm tra, giám sát báo cáo tài chính nhằm đánh giá kịp thời, hợp lý của các số liệu tài chính và giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ 2025 đối với HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc.
- Tham gia, đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT được ban hành trong năm 2025.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều Lệ của Tổng Công Ty.

- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra công tác kiểm kê, việc ghi chép.
- Các cuộc họp trong năm 2025 của Ban kiểm soát như sau:

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1.	Bà Huỳnh Thị Thọ	2/2	100%	100%	
2.	Ông Nguyễn Hữu Ánh	2/2	100%	100%	
3.	Bà Lê Thị Hồng Tịnh	2/2	100%	100%	
4.	Ông Trương Văn Bảy	0/0	0%		Miễn nhiệm 24/4/2025

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO, LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC

3.1. Thù lao, lương và các khoản lợi ích khác:

Họ và Tên	Chức vụ	Số tiền(VNĐ)
Ông Võ Anh Đức	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc dự án	384.287.233
Bà Huỳnh Thị Li Li	Thành viên HĐQT không điều hành	0
Bà Nguyễn Đình Phương Nam	Tổng giám đốc/Thành viên HĐQT	823.760.000
Trương Văn Bảy	Trưởng BKS	0
Ông Nguyễn Hữu Ánh	Thành viên BKS	217.506.293
Bà Lê Thị Hồng Tịnh	Thành viên BKS	187.580.524
Bà Huỳnh Thu Thảo	Giám đốc tài chính kiêm phụ trách kế toán	455.777.670
Bà Huỳnh Thị Thọ	Trưởng BKS	145.392.079

4.2. Các giao dịch cổ phiếu trong năm 2025 của người nội bộ:

Không có

5. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
-----	---------------------	-----------------------------------	---------------------------------	--	---------

1	Ông Võ Anh Đức	Chủ tịch HĐQT	15/1/2025; 4/7/2025; 30/9/2025; 22/10/2025	Trả nợ vay: 13.000.000 .000	
---	----------------	---------------	---	-----------------------------	--

5. ĐÁNH GIÁ VỀ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trên cơ sở đánh giá những thuận lợi và khó khăn, cũng như dựa trên tình hình thực tế, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời thống nhất và đưa ra kế hoạch hoạt động và kinh doanh. Năm 2025, mặc dù chưa đạt kế hoạch doanh thu, nhưng lợi nhuận trước thuế năm 2025 đã vượt kế hoạch, cụ thể như sau:

- Lợi nhuận trước thuế TNDN thực hiện so với kế hoạch: 146%

Để đạt được kết quả trên, HĐQT, BKS và Tổng giám đốc đã phối hợp thực hiện công việc theo đúng Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ một cách nhịp nhàng và hiệu quả đảm bảo việc điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng giám đốc không bị cản trở, việc giám sát của HĐQT và BKS được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty được thực hiện đúng theo quy định.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN:

- Ý kiến kiểm toán ngoại trừ: không có
- Vấn đề cần nhấn mạnh:

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.2 - Giả định hoạt động liên tục tại Bản thuyết minh Báo cáo tài chính: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nợ ngắn hạn của Công ty vượt tài sản ngắn hạn 4.176.315.062 đồng, lỗ lũy kế ở mức 107.675.348.524 đồng; Tuy nhiên tình hình sản xuất kinh doanh của công ty có sự cải thiện và đạt mức lợi nhuận 10.088.567.688 đồng. Ban Tổng Giám đốc công ty tin tưởng tình hình kinh doanh của công ty sẽ tiếp tục được cải thiện và khả năng hoạt động liên tục của Công ty sẽ được đảm bảo trong ít nhất 12 tháng tiếp theo.

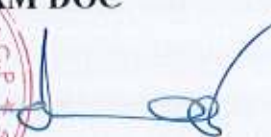
2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025:

- ❖ Bảng cân đối kế toán(*đính kèm*).
- ❖ Bảng báo cáo kết quả kinh doanh(*đính kèm*).
- ❖ Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ(*đính kèm*).

Nơi nhận:

- SGDCKHN;
- HĐQT, BKS TCT;
- BGĐ TCT;
- Lưu: VT, TK HĐQT.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO
TỔNG GIÁM ĐỐC


TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Phương, Nam



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		177.536.894.076	213.697.182.197
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	16.391.857.268	35.094.934.175
1. Tiền	111		3.761.857.268	34.464.934.175
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.630.000.000	630.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	500.000.000	500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		500.000.000	500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.598.721.790	82.818.780.226
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	67.126.413.254	71.563.672.104
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	2.047.486.571	9.611.920.116
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	4.916.068.268	4.202.923.054
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(3.491.246.303)	(2.559.735.048)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	72.830.038.323	79.613.760.499
1. Hàng tồn kho	141		76.267.099.848	81.296.269.558
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.437.061.525)	(1.682.509.059)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.216.276.695	15.669.707.297
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	97.188.858	142.482.448
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.560.494.926	14.955.555.705
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.9	558.592.911	571.669.144
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.640.363.220	80.307.290.370
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		314.588.985	2.106.704.985
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	314.588.985	2.106.704.985
II. Tài sản cố định	220		61.218.493.411	75.051.039.934
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	42.897.939.596	49.496.390.122
- Nguyên giá	222		161.028.659.624	154.905.522.747
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(118.130.720.028)	(105.409.132.625)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.11	-	7.155.517.813
- Nguyên giá	225		-	73.583.613.113
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(66.428.095.300)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.12	18.320.553.815	18.399.131.999
- Nguyên giá	228		19.499.985.221	19.499.985.221
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.179.431.406)	(1.100.853.222)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.13	-	-
- Nguyên giá	231		340.000.000	340.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(340.000.000)	(340.000.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	-	100.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	100.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.107.280.824	3.049.545.451
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	3.107.280.824	3.049.545.451
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		242.177.257.296	294.004.472.567

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		227.677.223.808	289.593.006.779
I. Nợ ngắn hạn	310		181.713.209.138	226.047.419.020
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.14	53.594.740.299	68.659.207.908
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.15	883.905.804	17.348.674.171
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	-	475.034.010
4. Phải trả người lao động	314		5.492.350.094	2.599.298.147
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	4.205.676.336	6.703.069.669
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.17	179.946.237	61.666.663
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.18	2.067.143.966	1.797.357.966
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.19	114.134.790.526	124.367.384.410
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.154.655.876	4.035.726.076
II. Nợ dài hạn	330		45.964.014.670	63.545.587.759
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	4.16	3.844.805.479	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.18	60.000.000	60.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.19	41.991.892.876	63.418.271.444
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		67.316.315	67.316.315
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.500.033.488	4.411.465.788
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.21	12.709.400.820	2.620.833.120
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.530.700.000	52.530.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.530.700.000	52.530.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.946.628.370	4.946.628.370
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		62.907.420.962	62.907.420.962
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(107.675.348.512)	(117.763.916.212)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(117.763.916.212)	(117.501.527.291)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.088.567.700	(262.388.921)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.790.632.668	1.790.632.668
1. Nguồn kinh phí	431	4.22	1.790.632.668	1.790.632.668
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		242.177.257.296	294.004.472.567

Người lập biểu
HUỖNH THU THẢO

Phụ trách kế toán
HUỖNH THU THẢO

Tổng Giám Đốc
NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG NAM
Đà Nẵng, Việt Nam
Ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	258.396.429.920	197.275.418.780
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	697.061.710	450.769.399
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		257.699.368.210	196.824.649.381
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	214.699.683.598	163.473.704.337
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		42.999.684.612	33.350.945.044
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	312.096.274	616.786.261
7. Chi phí tài chính	22	5.5	10.072.155.020	8.697.807.842
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.567.612.122	7.933.491.612
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	9.064.361.618	9.203.923.743
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	8.612.799.343	2.329.187.229
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		15.562.464.905	13.736.812.491
11. Thu nhập khác	31	5.8	515.058.401	2.229.602.070
12. Chi phí khác	32	5.9	5.988.955.606	16.228.803.481
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(5.473.897.205)	(13.999.201.411)
14. Tổng lợi nhuận (Lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.088.567.700	(262.388.920)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		10.088.567.700	(262.388.920)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.10	1.921	(50)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.10	1.921	(50)



Người lập biểu
HUỲNH THU THẢO



Phụ trách kế toán
HUỲNH THU THẢO



Tổng Giám Đốc
NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG NAM
Đà Nẵng, Việt Nam
Ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận (Lỗ) trước thuế	01	10.088.567.700	(262.388.920)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02	15.575.205.761	27.139.693.652
- Các khoản dự phòng	03	2.686.063.721	(9.126.744.927)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(253.870.800)	731.064.337
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(282.430.057)	(1.795.148.826)
- Chi phí lãi vay	06	9.567.612.122	7.933.491.612
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	37.381.148.447	24.619.966.928
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	11.391.799.538	20.839.627.985
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	5.029.169.710	6.605.357.626
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(33.748.417.991)	(6.229.406.888)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(12.441.783)	(497.703.695)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.710.403.558)	(7.933.491.612)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(170.166.646)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.517.701.959)	(2.169.544.736)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.813.152.404	35.064.638.962
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(962.093.613)	(648.293.900)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	320.000.000	-
3. Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ khác	24	100.000.000	1.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	59.430.688	107.988.997
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(482.662.925)	459.695.097
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	214.481.820.924	189.728.978.023
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(234.817.216.642)	(179.463.105.893)
3. Trả tiền nợ gốc thuê tài chính	35	(9.588.673.251)	(12.961.133.121)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(29.924.068.969)	(2.695.260.991)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(18.593.579.490)	32.829.073.068
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	35.094.934.175	2.261.327.493
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(109.497.417)	4.533.614
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	16.391.857.268	35.094.934.175

Người lập biểu
HUỲNH THU THẢO

Phụ trách kế toán
HUỲNH THU THẢO

Tổng Giám Đốc
NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG NAM
Đà Nẵng, Việt Nam
Ngày 30 tháng 03 năm 2026